

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HS-ST
Ngày 07/06/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏa, ông Nguyễn Đình Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Lộc Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Minh (cũ), thôn C, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2026/TLST-HS ngày 29/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P; sinh ngày: 25 tháng 4 năm 1988, tại xã N, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn B, xã N, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số: 002088009779, cấp ngày 02/5/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 34-QĐ/ĐU, ngày 24/11/2025 của Đảng ủy xã N, tỉnh Tuyên Quang; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 và bà Lộc Thị P1, sinh năm 1957; có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; con: Có 03, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 28/4/2025 bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số: 00552/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh T; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Vương Thị Minh H1 – Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm T1 tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 13 tháng 11 năm 2025, tổ công tác Công an xã D, tỉnh Tuyên Quang phát hiện Nguyễn Văn P sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã N, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23AY-015.66 có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy nên yêu cầu Nguyễn Văn P dừng lại để kiểm tra. Quá trình làm việc với tổ công tác Nguyễn Văn P tự nguyện lấy trong túi áo bên trái giao nộp cho tổ công tác 02 (hai) gói ma túy heroine được gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ và chữ viết, P tự khai nhận bản thân nghiện ma túy heroine vào khoảng tháng 8 năm 2024, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ tang vật gồm 02 (hai) gói ma túy và đưa Nguyễn Văn P về trụ sở Công an xã D, tỉnh Tuyên Quang làm việc.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn P khai nhận P là người thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 05/11/2025, do bản thân có nhu cầu sử dụng ma túy, khoảng 18 giờ Nguyễn Văn P điều khiển xe máy biển kiểm soát: 23AY-015.66 đến lán của Tần A M1, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang để mua ma túy về sử dụng. Khi đến đoạn đường đi vào trong làng có lối mòn P rẽ vào và đi được một đoạn đường khoảng 100 mét thì M1 bảo P đứng ở đường đoi, được khoảng 30 phút sau, lúc này trời đã tối thì P thấy M1 lấy đèn pin chiếu xuống và gọi P, sau đó P để xe ở trên lề đường và đi bộ lên chỗ M1, sau khi gặp nhau, M1 đưa cho P 01 (một) gói nilon màu trắng bên trong có 01 (một) gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong có chứa ma túy Heroine, Phong cầm gói ma túy rồi đưa số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) cho M1, sau khi mua được ma túy, Nguyễn Văn P điều khiển xe máy về nhà tại thôn B, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Đến nhà, P lấy ra một ít để sử dụng cho bản thân, số ma túy còn lại P chia ra thành 02 (hai) gói nhỏ, gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ và chữ viết rồi cất giấu trên người để sử dụng dần. Đến ngày 13/11/2025, P mang theo 02 (hai) gói ma túy trên và điều khiển xe máy biển kiểm soát: 23AY-015.66 (là xe máy của gia đình mua cho P đứng tên) di chuyển đến khu vực thôn N, xã D, tỉnh Tuyên Quang thì bị lực lượng Công an xã D, tỉnh Tuyên Quang phát hiện và bắt quả tang.

Ngày 14/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T Quyết định trưng cầu giám định chất ma túy đối với số ma túy đã thu giữ khi bắt quả tang của Nguyễn Văn P. Bản kết luận giám định số: 1572/KL-KTHS ngày 19/11/2025, Phòng K Công an tỉnh T kết luận M cần giám định ký hiệu A là chất ma túy, loại Heroine; khối lượng 0,639 gam (*không phải sáu trăm ba mươi chín gam*), P nhất trí với kết luận giám định trên của Phòng K Công an tỉnh T.

Tại Kết luận giám định số: 1615/KL-KTHS ngày 30/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Trong mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Văn P, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã N, tỉnh Tuyên Quang gửi giám định tìm thấy chất ma túy Morphine.

Morphine là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine trong nước tiểu.

Heroine (H2), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.”.

Ngày 05/12/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành cho Nguyễn Văn P nhận dạng qua ảnh đối với người đàn ông tên “Tần A M1” đã bán ma túy (H2) cho P ngày 05/11/2025 tại thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả nhận dạng Nguyễn Văn P xác định ảnh chụp chân dung Tần A M1, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang là người đàn ông đã bán ma túy cho P.

Bản Cáo trạng số: 22/CT-VKSKV8 ngày 28/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-24009782 (vỏ bao gói cùng mẫu vật còn lại sau cân tịnh); trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI1: 866167062152632, số IMEI2: 866167062152624, máy cũ đã qua sử dụng; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P 01 (một) chiếc xe mô tô, Biển kiểm soát: 23AY-01566; nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu sơn đen, số khung RLHJA3930RY619714, số máy JA70E0321873, xe đã qua sử dụng.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, mức hình phạt, đề

ngợi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí và các vấn đề khác đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có 03 con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện Kiểm sát, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Về tội danh, áp dụng điều luật và các vấn đề khác đề nghị áp dụng, người bào chữa có cùng quan điểm với Viện kiểm sát nên Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận. Đối với mức hình phạt đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo, vì bị cáo có 01 tiền sự về ma túy, ngoài ra bị cáo là đảng viên, hiểu biết về pháp luật mà vẫn vi phạm nên mức hình phạt như vậy là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân hoàn cảnh phạm tội của bị cáo để bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật để được sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa không có ý kiến đối đáp, tranh luận và không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo trình bày bản thân là người nghiện ma túy nên bị cáo đã tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng cho bản thân; lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; kết luận giám định chất ma túy cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 13/11/2025, tại khu vực thôn N, xã D, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn P có hành vi tàng trữ trái phép 0,639g (*không phải sáu trăm ba mươi chín gam*) ma túy, loại Heroine. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ

trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, tệ nạn xã hội và lây nhiễm HIV/AIDS, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, sức khỏe của bản thân, gia đình bị cáo, đến trật tự, an toàn của xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, trong khi Nhà nước ta đang ra sức tuyên truyền về tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và hệ lụy khôn lường của nó, mặc dù bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình nhưng vẫn cố ý phạm tội. Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng, do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để nhằm trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và công tác phòng ngừa tội phạm chung. Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn P với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, bị cáo Nguyễn Văn P được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, không có công việc, tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) túi niêm phong mã số PS3-24009782 (vỏ bao gói cùng mẫu vật còn lại sau cân tịnh);

- Đối với 01 (*một*) chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI1: 866167062152632, số IMEI2: 866167062152624, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn P. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo;

- Đối với 01 (*một*) chiếc xe mô tô, Biển kiểm soát: 23AY-015.66; nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu sơn đen, số khung RLHJA3930RY619714, số máy JA70E0321873, xe đã qua sử dụng đã thu giữ của bị cáo được xác định là tài sản hợp pháp của gia đình bị cáo; khi bị cáo sử

dụng xe để đi mua ma túy, gia đình bị cáo không biết nên cần trả lại cho đại diện gia đình bị cáo là ông Nguyễn Văn P2.

[7] Đối với hành vi của Tần A M1 bán ma túy cho bị cáo ngày 05/11/2025 tại khu vực thôn T, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình điều tra, Tần A M1 khẳng định không được bán ma túy cho Nguyễn Văn P, ngày 23/03/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành đối chất giữa bị cáo Nguyễn Văn P và Tần A M1 để làm rõ hành vi mua bán ma túy giữa P và M1, kết quả đối chất, Tần A không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Nguyễn Văn P, Tần A và P chỉ quen biết xã hội bình thường, không có anh em họ hàng gì, cũng không có thù oán hay nợ nần, ràng buộc gì về kinh tế đối với bị cáo Nguyễn Văn P. Quá trình P trao đổi mua bán ma túy do trời tối, chỉ có hai người tự trao đổi mua bán với nhau, không có chứng cứ nào khác để chứng minh, do đó không có căn cứ xem xét xử lý đối với Tần A nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn P ngày 13/11/2025, quá trình điều tra Công an xã D, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng là thỏa đáng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, việc xử lý vật chứng và miễn án phí cho bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với ý kiến, quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P là có căn cứ, được chấp nhận một phần.

[11] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn P.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/11/2025.

3. Biện pháp ngăn chặn: Áp dụng khoản 1 Điều 109; khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn P với thời hạn là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-24009782 (vỏ bao gói cùng mẫu vật còn lại sau cân tịnh);

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI1: 866167062152632, số IMEI2: 866167062152624, máy cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P2 01 (một) chiếc xe mô tô, Biển kiểm soát: 23AY-01566; nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu sơn đen, số khung RLHJA3930RY619714, số máy JA70E0321873, xe đã qua sử dụng.

(Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang).

5. Án phí hình sự: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn P.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa Hình sự TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV 8, tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT, Phòng PC 10, PV 06 CAT TQ;
- THA DS tỉnh Tuyên Quang;
- Đảng ủy, UBND xã Ngọc Long,
tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đoàn Ngọc Vĩnh**